

UBND THÀNH PHỐ ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG THCS AN SINH

Đông Triều, ngày 25 tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trung học cơ sở An Sinh, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

2. Địa chỉ trụ sở chính:

- Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ba Xã - Xã An Sinh - Thành phố Đông Triều
- Tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 02033.671 112

- Địa chỉ thư điện tử: thcsansinh@dongtrieu.edu.vn

- Trang thông tin điện tử: thcsansinh.dongtrieu.edu.vn

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

- Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân thành phố Đông Triều.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

4.1. Sứ mệnh

Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, nền nếp, kỷ cương để mỗi học sinh được rèn luyện, học tập vươn lên.

4.2. Tầm nhìn

Học sinh có tri thức, kỹ năng sống hòa nhập với cộng đồng.

4.3. Hệ thống các giá trị cơ bản của nhà trường

- Đoàn kết

- Tinh thần trách nhiệm

- Sự hợp tác

- Sáng tạo

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường THCS An Sinh được xây dựng tại thôn Ba Xã - xã An Sinh - thành phố Đông Triều. Trường được thành lập theo Quyết định số 481/QĐ-UB ngày 26/8/2002 của UBND huyện Đông Triều (nay là thành phố Đông Triều) trên cơ sở sáp nhập từ khối cấp 2 của trường PTCS An Sinh A và trường PTCS An Sinh B. Trường có nhiệm vụ đáp ứng nhu cầu giáo dục ở bậc trung học cơ sở cho con em nhân dân ở 10 đơn vị thôn của xã An Sinh. Trải qua hơn 20 năm xây dựng và phát triển, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã An Sinh, sự chỉ đạo sát sao về nghiệp vụ và chuyên môn của phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều, chỉ bộ nhà trường đã lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động của cán bộ quản lý, điều hành công tác chuyên môn nghiệp vụ tới cán bộ, đảng viên, giáo viên và nhân viên, đạt được nhiều thành tích trong sự nghiệp giáo dục thông qua các phong trào thi đua sôi nổi, góp phần phát triển giáo dục của xã An Sinh nói riêng và của giáo dục thị xã Đông Triều nói chung.

Từ khi được thành lập đến nay trường luôn được xếp là trường hạng II, có quy mô 12 đến 13 lớp với số học sinh năm sau tăng hơn năm trước, năm học 2019-2020 nhà trường có 12 lớp với 391 học sinh, đến năm học 2024-2025 nhà trường có 13 lớp với 511 em học sinh.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường đã được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 1 (2016-2021). Năm học 2023-2024, trường đã được Sở GD&ĐT tổ chức đánh giá ngoài và công nhận trường đạt kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Cấp độ 2 và đạt trường chuẩn quốc gia Mức độ 1; Được UBND tỉnh tặng Bằng khen năm 2023.

Năm học 2024- 2025, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên nhà trường gồm 23/25 đồng chí có trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó có 17 đồng chí là đảng viên. Cán bộ giáo viên nhà trường đều nhiệt tình, hăng say, tận tâm với công việc, hết lòng vì học sinh. Nhà trường luôn quan tâm tới việc bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nhằm không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn và chất lượng giảng dạy. Các tổ chuyên môn hoạt động tích cực, có hiệu quả. Năm học 2023-2024, trường có 11 giáo viên giỏi cấp cơ sở (kết quả bảo lưu), 01 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh; 02 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 01 giấy khen của Sở GD&ĐT, 04 Giấy khen của UBND thị xã và 25 lao động tiên tiến. Tỷ lệ học sinh xét tốt nghiệp THCS đạt 100%. Nhà trường liên tục có học sinh đạt giải trong các kỳ thi HSG các cấp. Trường đạt trường danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với các bậc phụ huynh, các tổ chức xã hội tăng cường quản lý, theo dõi học sinh, tạo điều kiện thuận lợi để các em có điều kiện tham gia các hoạt động văn, thể, mỹ, chú trọng công tác tuyên truyền Luật An toàn giao thông, phòng chống bệnh dịch và phòng chống TNXH.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Mai
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS An Sinh - Thị xã Đông Triều - Tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: 0368841374
- Địa chỉ thư điện tử: thcs.as.ntkmai@dongtrieu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

7.1. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của nhà trường

- Quyết định số 481/QĐ-UB ngày 26/8/2002 của UBND huyện Đông Triều (nay là thành phố Đông Triều) về việc thành lập trường THCS An Sinh
- Quyết định số 3224/QĐ-UBND của UBND thành phố Đông Triều về việc chuyển đổi tên các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp công lập, Trung tâm Hành chính công theo Nghị quyết số 1199/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

7.2. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường

- Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 29/7/2023 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Triều về việc thành lập Hội đồng trường đối với trường THCS An Sinh, nhiệm kỳ 2023-2028;

- Quyết định số 2819/QĐ-UBND ngày 06/10/2023 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Triều về việc kiện toàn Hội đồng trường đối với trường THCS An Sinh, nhiệm kỳ 2023-2028;

- Quyết định số 3038/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Triều về việc Công nhận chức danh Chủ tịch Hội đồng trường đối với Trường THCS An Sinh, nhiệm kỳ 2023-2028

7.3 Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng nhà trường

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Kim Mai: Quyết định số 2248/QĐ-GDDT ngày 30/8/2023 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý đối bà Nguyễn Thị Kim Mai, Hiệu trưởng trường THCS Nguyễn Huệ, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS An Sinh trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/9/2023.

- Phó Hiệu trưởng: Hồ Trung Minh: Quyết định số 2540/QĐ-GDDT ngày 28/8/2024 của Chủ tịch UBND thị xã (nay là thành phố) Đông Triều về việc điều động, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo quản lý đối ông Hồ Trung Minh, phó Hiệu trưởng trường THCS Hưng Đạo, giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường THCS An Sinh trong thời gian 05 năm, kể từ ngày 01/9/2024.

7.4. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS An Sinh: Quyết định số 528/QĐ-TrTHCS ngày 14/10/2023 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường THCS An Sinh.

7.5. Các Quyết định thành lập tổ chuyên môn, tổ văn phòng; Quyết định điều chỉnh, bổ sung biên chế các thành viên sinh hoạt tại tổ chuyên môn của trường THCS An Sinh.

7.6. Sơ đồ bộ tổ chức bộ máy nhà trường.

8. Các văn bản khác:

- Chiến lược phát triển của nhà trường;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường;
- Các nghị quyết của hội đồng trường;
- Kế hoạch, thông báo và các quy định, quy chế nội bộ khác của nhà trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Về số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TCCN	Dưới TCCN
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29		2	2	2	0	3
I	Nhóm vị trí việc làm CDNN chuyên ngành (Giáo viên THCS)	22		2	18	2	0	0

1	Toán	3		2	1			
2	Lý	2			2			
	Hóa	2			2			
	Sinh	0			0			
3	Văn	6			6			
4	Tiếng Anh	3			3			
5	Lịch sử	0			0			
	Địa lý	0			0			
6	GDTC	1				1		
7	GDCD	1			1			
8	Mỹ thuật	1				1		
	Âm nhạc	1			1			
9	Công nghệ	1			1			
10	Tin học	1			1			
II	Nhóm vị trí lãnh đạo quản lý	2			2			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1			
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (nhân viên)	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên TBTN	0						
2	Nhân viên giáo vụ	0						
3	Nhân viên Tư vấn HS	0						
4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0						
IV	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	2	0	0	2	0	0	0
1	Nhân viên thư viện, QTCS	0						
2	Nhân viên văn thư, KT, TQ, YT	2			2			
V	Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ	3	0	0	0	0	0	3
1	Nhân viên vệ sinh	1						1
2	Nhân viên bảo vệ	2						2

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

STT	Nội dung	Tổng số	Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29	11	13		20	4	0	0
I	Nhóm vị trí việc làm CDNN chuyên ngành (Giáo viên THCS)	22	11	11		18	4	0	0
1	Toán	3	2	1		3			
2	Lý	2	1	1		1	1		
	Hóa	2	2			2			
	Sinh								
3	Văn	6	2	4		5	1		
4	Tiếng Anh	3		3		3			
5	Lịch sử	0	0						
	Địa lý	0	0						
6	GDTC	1	1				1		
7	GDCD	1	1			1			
8	Mỹ thuật	1	1				1		
	Âm nhạc	1	1			1			
9	Công nghệ	1		1		1			
10	Tin học	1	1			1			
II	Nhóm vị trí lãnh đạo quản lý	2		2		2			
1	Hiệu trưởng	1		1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1		1		1			
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (nhân viên)	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên TBTN	0							
2	Nhân viên giáo	0							

	vụ								
3	Nhân viên Tư vấn HS	0							
4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0							
IV	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	2	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên thư viện, QTCS	0							
2	Nhân viên văn thư, KT, TQ, YT	2							
V	Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ	4	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên vệ sinh	1							
2	Nhân viên bảo vệ	2							

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

STT	Nội dung	Tổng số	Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm	
			Đã hoàn thành CTBD	Chưa hoàn thành CTBD
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29		
I	Nhóm vị trí việc làm CDNN chuyên ngành (Giáo viên THCS)	22	25	
1	Toán	3	3	
2	Lý	2	2	
	Hóa	2	2	
	Sinh	0	0	
3	Văn	6	6	
4	Tiếng Anh	3	3	
5	Lịch sử	0	0	
	Địa lý	0	0	
6	GDTC	1	1	
7	GD CD	1	1	

8	Mỹ thuật	1	1	
	Âm nhạc	1	1	
9	Công nghệ	1	1	
10	Tin học	1	1	
II	Nhóm vị trí lãnh đạo quản lý	2	2	
1	Hiệu trưởng	1	1	
2	Phó hiệu trưởng	1	1	
III	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành (nhân viên)	0	0	
1	Nhân viên TBTN	0		
2	Nhân viên giáo vụ	0		
3	Nhân viên Tư vấn HS	0		
4	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật	0		
IV	Nhóm vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	1	1	
1	Nhân viên thư viện, QTCS	0		
2	Nhân viên văn thư, KT, TQ, YT	2		
V	Nhóm vị trí hỗ trợ, phục vụ	4	0	
1	Nhân viên vệ sinh	1		
2	Nhân viên bảo vệ	2		

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích khu đất xây dựng trường

Stt	Thông tin CSVC	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích khu đất	9.843,9m ²	9.843,9m ²
2	Diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh	19,3m ² /hs	20,4 m ² /hs

2. Các hạng mục công trình

Stt	Thông tin CSVC	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Khối phòng hành chính quản trị	7	7
	<i>Phòng Hiệu trưởng</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng Phó hiệu trưởng</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng Công đoàn</i>	<i>1</i>	<i>0</i>

	<i>Văn phòng</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng bảo vệ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Khu vệ sinh giáo viên</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Khu để xe giáo viên</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
2	Khối phòng học học tập	16	13
	<i>Phòng học</i>	<i>8</i>	<i>8</i>
	<i>Phòng Nghệ thuật</i>	<i>2</i>	<i>0</i>
	<i>Phòng học Công nghệ</i>	<i>1</i>	<i>0</i>
	<i>Phòng học KHTN</i>	<i>2</i>	<i>2</i>
	<i>Phòng học Tin học</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng học Ngoại ngữ</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng học KHXH</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng đa chức năng</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
3	Khối phòng hỗ trợ học tập	8	5
	<i>Thư viện</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng thiết bị giáo dục</i>	<i>4</i>	<i>2</i>
	<i>Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ học sinh học sinh khuyết tật</i>	<i>1</i>	<i>0</i>
	<i>Phòng đoàn đội</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng truyền thống</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
4	Khối phụ trợ	9	6
	<i>Phòng họp toàn thể CBGVNV</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng các tổ chuyên môn</i>	<i>2</i>	<i>0</i>
	<i>Phòng y tế</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Nhà kho</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Khu vệ sinh học sinh</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Nhà xe học sinh</i>	<i>1</i>	<i>1</i>
	<i>Phòng nghỉ giáo viên</i>	<i>1</i>	<i>0</i>

	Cổng, tường rào	1	1
5	Khu sân chơi, thể dục thể thao	2	2
	Sân chơi	1	1
	Sân cỏ nhân tạo	1	1
	Nhà tập đa năng	0	0
6	Khởi phục vụ sinh hoạt	0	0
7	Hạ tầng kĩ thuật		
	Hệ thống cấp nước sạch	Đảm bảo	Đảm bảo
	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo	Đảm bảo
	Hệ thống phòng cháy chữa cháy	Đảm bảo	Đảm bảo
	Hạ tầng CNTT	Đảm bảo	Đảm bảo
	Khu thu gom rác thải	Đảm bảo	Đảm bảo

3. Thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị	So với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
IX	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định				
1	Khối lớp 6	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018
2	Khối lớp 7	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018
3	Khối lớp 8	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018
4	Khối lớp 9	0	Bộ	chưa đạt	Tận dụng TBDH theo chương trình GDPT 2006 và TBDH tự làm hàng năm. Đang thực hiện quy trình mua sắm TBDH theo chương trình GDPT 2018

4. Sách giáo khoa

a. Danh mục sách giáo khoa lớp 6

STT	Tên sách/bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt,	Giáo dục Việt Nam

		Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương (<i>Tập 1,2</i>)	
2	Toán 6 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang. (<i>Tập 1, Tập 2</i>)	Đại học sư phạm
3	Tiếng Anh 6 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 6 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Lê Minh Cẩm, Ngô Ngọc Hoa, Lê Thị Phương Hoa, Phan Thị Thanh Hội, Đỗ Thanh Hữu, Cao Tiên Khoa, Lê thị Thanh, Nguyễn Đức Trường, Trương Anh Tuấn	Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Đinh Bảo Ngọc (Chủ biên phần Lịch sử), Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Hoàng Anh Tuấn, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Vũ Thị Hằng, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 6 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm
9	Tin học 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Phan Anh, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 6 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú.	Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 6 (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 6 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

b. Danh mục sách giáo khoa lớp 7

STT	Tên sách/bộ sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Ngữ văn 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương (<i>Tập một</i>)	Giáo dục Việt Nam
		Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu. (<i>Tập hai</i>)	
2	Toán 7 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang. (<i>Tập 1, Tập 2</i>)	Đại học sư phạm
3	Tiếng Anh 7 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 7 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Đào Tuân Đạt, Phan Thị Thanh Hội, Ngô Văn Hưng, Đỗ Thanh Hữu, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Phạm Xuân Quế, Trương Anh Tuấn, Ngô Văn Vù.	Đại học Sư phạm
5	Lịch sử và Địa lí 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.	Giáo dục Việt Nam
6	Giáo dục công dân 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Phạm Thị Kim Dung, Nguyễn Thị Thọ.	Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 7 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hường, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm
9	Tin học 7 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 7	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ	Giáo dục

	(Kết nối tri thức với cuộc sống)	biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thi Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 7 (Cánh Diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc (Chủ biên), Nguyễn Ngọc Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Đại học Sư phạm
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 7 (Cánh Diều)	Nguyễn Đức Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

c. Danh mục sách giáo khoa lớp 8

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Ngữ văn 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương (Tập một) Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương . (Tập hai),	Giáo dục Việt Nam
2	Toán 8 (Cánh Diều)	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang. (Tập 1, Tập 2)	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
3	Tiếng Anh 8 i-Learn Smart World	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
4	Khoa học tự nhiên 8 (Cánh Diều)	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Lê Thị Phương, Phạm Xuân Quế, Dương Xuân Quý, Đào Văn Toàn, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tuyết, Ngô Văn Vụ.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
5	Lịch sử và Địa lí 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Địa lí), Nguyễn Văn Tuấn, Nguyễn Xuân Trãi, Đặng Thị Thu Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

	thức với cuộc sống)	biên cấp THCS phần Lịch sử), Trịnh Đình Tùng (Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt.	Nam
6	Giáo dục công dân 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Âm nhạc 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Long (Tổng Chủ biên), Vũ Mai Lan (Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Mĩ Thuật 8 (Cánh Diều)	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
9	Tin học 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai, Nguyễn Thị Hoài Nam.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 8 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Giáo dục thể chất 8 (Cánh Diều)	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học sư phạm)
12	Hoạt động Trải nghiệm, hướng nghiệp 8 (Cánh Diều)	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thúy Quỳnh, Bùi Thanh Xuân.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại

			học sư phạm)
--	--	--	--------------

d. Danh mục sách giáo khoa lớp 9

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
1	Toán	Toán 9, Tập 1 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
		Toán 9, Tập 2 Cánh Diều	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
2	Khoa học tự nhiên	Khoa học tự nhiên 9 Cánh Diều	Đinh Quang Báo (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Lê Mạnh Cường, Phạm Thủy Giang, Vũ Thị Bích Huyền, Nguyễn Hữu Kiên, Nguyễn Thị Diệu Linh, Trần Đức Long, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Đinh Trần Phương, Trương Anh Tuấn, Lê Thị Tươi, Dương Bá Vũ, Ngô Văn Vụ.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)
3	Tin học	Tin học 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Công nghệ	Công nghệ 9 - Định	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên); Phạm Mạnh Hà (Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
		hướng nghề nghiệp Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Xuân An, Nguyễn Thị Bích Thủy, Vũ Cẩm Tú.	Nam
		Công nghệ 9 - Mô đun Lắp đặt mạng điện trong nhà (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên)	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 9 Cánh Diều	Nguyễn Dục Quang (Tổng Chủ biên), Nguyễn Đức Sơn (Chủ biên), Đàm Thị Vân Anh, Nguyễn Thuý Quỳnh, Bùi Thanh Xuân	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại
6	Ngữ Văn	Ngữ Văn 9, Tập 1 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
		Ngữ Văn 9, Tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Lịch sử và Địa lý	Lịch sử và Địa lý 9 Kết nối tri thức với	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
		cuộc sống	Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm.	
8	Giáo dục công dân	Giáo dục công dân 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên); Trần Thị Mai Phương (Chủ biên), Nguyễn Hà An, Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Thị Thọ.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9		Âm nhạc 9 Kết nối tri thức với cuộc sống	Hoàng Long (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Bùi Minh Hoa, Vũ Mai Lan, Trần Bảo Lân, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Nghệ thuật	Mĩ thuật 9 Cánh Diều	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị My, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Su Phạm)
11	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 9 Cánh Diều	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đặng Hoài An, Đinh Thị Mai Anh, Mai Thị Bích Ngọc, Nguyễn Văn Thành, Đinh Khánh Thu.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Su phạm)
12	Tiếng	Tiếng	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên),	Công ty

STT	Môn	Tên sách (Bộ sách)	Tổng chủ biên/Chủ biên	Tên tổ chức, cá nhân (NXB, Công ty....)
	Anh	Anh 9 i- Learn Smart World	Nguyễn Dương Hoài Thương (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Lê Huỳnh Phương Dung.	TNHH Education Solutions Việt Nam

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Nhà trường đã được công nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Quyết định số 212/QĐ-SGDĐT ngày 23/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo) và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 (Quyết định số 213/QĐ-SGDĐT ngày 23/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

Kế hoạch tự đánh giá năm học 2024-2025 số 708/KH-TrTHCS ngày 12/9/2024; Báo cáo tự đánh giá năm học 2024-2025 số 634/BC-TrTHCS ngày 30/5/2025.

Kế hoạch số 715/KH-TrTHCS ngày 16/9/2024 kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025; Báo cáo số 637/BC-TrTHCS ngày 31/5/2025 kết quả cải tiến chất lượng năm học 2024-2025 của trường THCS An Sinh.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin kết quả giáo dục thực tế năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Thông tin chung:	13	3	4	3	3
1	Kết quả tuyển sinh	126	126			
2	Tổng số học sinh theo từng khối	510	123	156	113	118
3	Số HS bình quân/lớp theo từng khối	39,2	41	39	37,6	39,3
4	Số lượng HS học 02 buổi/ngày	0	0	0	0	0
5	Số lượng HS nam/ HS nữ	259/251	63/60	83/73	56/57	57/61
6	Số HS là người dân tộc thiểu số	16	3	5	5	3
7	Số HS khuyết tật	07	5	2	2	0
8	Số lượng HS chuyển trường và tiếp nhận HS:					
	+ Số lượng HS chuyển đi	4	3	0	1	0
	+ Số lượng HS tiếp nhận chuyển đến	3	0	1	2	0
II	Thống kê kết quả đánh giá học sinh					
	1. Số HS chia theo Rèn luyện	510	123	156	113	118
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	479 93,92%	115 93,5%	143 91,67%	105 92,92%	116 98,31%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	30 5,88%	8 6,5%	13 8,33%	7 6,19%	2 1,69%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,2%	0	0	1 0,88%	0
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
	2. Số HS chia theo Học tập	510	123	156	113	118
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	77	20	28	19	10

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
		15,1%	16,26%	17,95%	16,81%	8,47%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	209 40,98%	45 36,59%	66 42,31%	52 46,062 %	46 38,98%
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	222 43,53%	57 46,34%	62 39,74%	41 36,28%	62 52,54%
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,39%	1 0,81%	0	1 0,88%	0
	3. Tổng hợp kết quả cuối năm	510	123	156	113	118
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	508 99,61%	122 99,19%	156 100%	114 99,18%	118 100%
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	1 0,19%	0	0	1 0,89%	0
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	76 14,9%	20 16,26%	28 17,95%	18 15,92%	10 8,47%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,39%	1 0,81%	0	1 0,88%	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Số lượng HS được công nhận hoàn thành chương trình	118				118
IV	Số lượng HS được cấp bằng tốt nghiệp	118				118
V	Số lượng HS trúng tuyển vào các CSGD nghề nghiệp (Tỷ lệ/Số học sinh)	118				15

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của nhà trường trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật

1.1. Các khoản thu, phân theo:

- Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2023:

- + Dự toán năm trước chuyển sang: 0 đồng.
- + Dự toán giao đầu năm 2023: 4.059.000.000đồng.
- + Dự toán cấp bổ ung năm 2023: 322.440.000đồng.
- + Dự toán được sử dụng trong năm 2023: 4.381.440.000đồng.

- Học phí công lập năm 2023:

- + Số tồn kỳ trước chuyển sang: 0 đồng.
- + Số thu học phí công lập năm 2023: 413.100.000đồng.
- + Số tiền được sử dụng trong năm 2023: 413.100.000đồng.

1.2. Các khoản chi, phân theo:

a. Ngân sách khoán chi thực hiện tự chủ năm 2023:

TT	Nội dung	Mã NDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Tiền lương	6000	1.612.067.767	1.612.067.767
2	Phụ cấp lương	6100	907.289.700	907.289.700
3	Học bổng	6150	0	0
4	Phúc lợi tập thể	6200,6250	26.771.000	26.771.000
5	Các khoản đóng góp	6300	495.170.567	495.170.567
6	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	6400	180.735.443	180.735.443
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	6500	32.811.727	32.811.727
8	Vật tư văn phòng	6550	257.136.000	257.136.000
9	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600	20.306.000	20.306.000
10	Hội nghị		28.040.000	28.040.000
11	Công tác phí	6700	32.760.000	32.760.000
12	Chi phí thuê mướn	6750	73.646.200	73.646.200
13	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	6900	181.613.000	181.613.000
14	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn	6950	0	0
15	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	7000	406.596.200	406.596.200
16	Mua sắm tài sản vô hình	7050	0	0
17	Chi khác	7750	118.734.750	118.734.750
	Tổng cộng		4.373.678.354	4.373.678.354

b. Ngân sách khoán chi thực hiện không tự chủ năm 2023:

TT	Nội dung	MãNDKT	Số liệu quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
1	Phụ cấp ưu đãi	6100	41.051.600	41.051.600
2	Hỗ trợ chi phí học tập	6150	20.350.000	20.350.000
3	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6600	34.184.000	34.184.000
4	Vật tư văn phòng	6550	8.602.000	8.602.000
5	Chi phí thuê mướn	6750	39.843.000	39.843.000
6	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	7000	20.200.000	20.200.000

7	Chi các khoản khác	7750	217.766.256	217.766.256
	Tổng cộng		381.996.856	381.996.856

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học

2.1. Khoản thu theo quy định:

TT	Nội dung thu	Thực hiện	Dự kiến	Dự kiến
		2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Học phí công lập	Không thu	Theo Nghị quyết HĐND tỉnh	
2	Bảo hiểm y tế	680.400đ/hs/năm	Theo CV của BHXH	Theo CV của BHXH

2.2. Khoản thu được vận động:

TT	Nội dung thu	Thực hiện	Dự kiến	Dự kiến
		2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Quỹ Ban ĐDCMHS	Tự nguyện	Tự nguyện	Tự nguyện

2.3. Khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục:

TT	Nội dung thu	Thực hiện	Dự kiến	Dự kiến
		2024-2025	2025-2026	2026-2027
1	Học thêm	8.000đ/tiết/hs	Theo dự toán	Theo dự toán
2	Học Tin học	5.000đ/tiết/hs	Theo dự toán	Theo dự toán
3	Xe đạp điện	35.000đ/tháng/hs	Theo dự toán	Theo dự toán
4	Xe đạp thường	25.000đ/tháng/hs	Theo dự toán	Theo dự toán
5	Nước uống	10.000đ/hs/tháng	Theo dự toán	Theo dự toán

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

3.1. Mức miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tháng 9-12/2023 (năm học 2023-2024), nhà trường thực hiện như sau:

- **Miễn, giảm học phí:** theo bảng tổng hợp đề nghị miễn, giảm học phí tháng 9- 12/2023 có xác nhận của UBND xã An Sinh.

+Miễn 100%: 12 học sinh, Số tiền: 4.800.000đồng.

+Giảm 50%: 03 học sinh, Số tiền: 600.000đồng.

Tổng số tiền: 5.400.000đồng.

- **Hỗ trợ chi phí học tập:** theo bảng tổng hợp đề nghị hỗ trợ chi phí học tập tháng 9-12/2023 có xác nhận của UBND xã An Sinh.

Định mức: 150.000đ/tháng/hs; Số lượng: 09 học sinh

Tổng số tiền: 7.200.000 đồng.

3.2. Mức miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập tháng 01-5/2024 (năm học 2023-2024), nhà trường thực hiện như sau:

- **Miễn, giảm học phí:** theo bảng tổng hợp đề nghị miễn, giảm học phí tháng 01-5/2024 có xác nhận của UBND xã An Sinh

+Miễn100%: 11 học sinh, Số tiền: 1.650.000đồng.

+Giảm50%: 03 học sinh, Số tiền: 225.000đồng.

Tổng số tiền: 1.850.000đồng.

- **Hỗ trợ chi phí học tập:** theo bảng tổng hợp đề nghị hỗ trợ chi phí học tập tháng 01-5/2024 có xác nhận của UBND xã An Sinh

Định mức: 150.000đ/tháng/hs; Số lượng: 11 học sinh

Tổng số tiền: 8.250.000đồng.

4. Các nội dung công khai tài chính khác:

Thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện chương trình giáo dục

Nhà trường đã chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch giáo dục bảo đảm đúng quy định khung 35 tuần. Việc thực hiện Chương trình GDPT 2018 được hoàn thành ở tất cả các khối lớp, với trọng tâm là nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng công tác hướng nghiệp, ôn tập cho học sinh lớp 9 nhằm nâng cao kết quả thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT.

2. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá

Công tác đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Các tổ chuyên môn tích cực vận dụng các hình thức, kỹ thuật dạy học tích cực, tăng cường ứng dụng CNTT vào dạy học và kiểm tra đánh giá.

3. Đảm bảo điều kiện chất lượng giáo dục

Nhà trường quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018. Cơ sở vật chất, trang thiết bị được đầu tư, khai thác hiệu quả phục vụ dạy học và các hoạt động giáo dục. Công tác đảm bảo an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, an ninh trật tự được thực hiện nghiêm túc, nền nếp.

4. Tham gia các cuộc thi và các hoạt động giáo dục khác

4.1. Tham gia các cuộc thi

Tổ chức cho giáo viên và học sinh tham gia đầy đủ cuộc thi trực tiếp, trực tuyến do ngành phát động như: thi chọn học sinh giỏi các bộ môn văn hóa, TDTT cấp thành phố, cấp tỉnh; thi KHKT, sáng tạo thanh thiếu niên của học sinh; An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai; Viết về kỷ niệm sâu sắc với mái trường và thầy cô; Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác; tiếng hát học sinh; giao lưu các câu lạc bộ Tiếng Anh, Tìm hiểu về nội dung cuốn sách Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc của cố thủ tướng Nguyễn Phú Trọng...

Kết quả các cuộc thi:

- Đối với giáo viên: tham gia thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, có 14/22 giáo viên đạt danh hiệu; tham gia hội thi và có 01 Giáo viên được công nhận danh hiệu giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cấp Tỉnh

Cấp thành phố :

+ Kết quả thi chọn HSG các bộ môn văn hóa: Đợt 1: Dành cho lớp 9: Có 08 học sinh đạt giải trong đó có 01 giải nhì, 1 giải ba và 06 giải khuyến khích

Đợt 2: dành cho lớp 8: có 09 HS đạt giải trong đó có 02 giải nhì, 01 giải ba, 06 giải khuyến khích

+ Giao lưu Tiếng Anh: 01 giải khuyến khích

+ Thi tuyên truyền viên giỏi năm 2024: đạt giải ba

+ TDDT: Giải nhất: 01; giải nhì: 01; giải ba: 05

+ Tin học trẻ: 01 giải nhì; 01 giải khuyến khích.

Cấp tỉnh:

- Các môn văn hóa: 02 giải khuyến khích (môn Tin và Lịch sử)

- Tin học trẻ: 01 giải Khuyến khích

- Giải các CLB võ thuật: HCB: 05; HCD: 7

4.2. Tổ chức các hoạt động khác

- Tổ chức cho các em học tập Điều lệ Nhà trường, nội quy học sinh; Hưởng ứng và thực hiện các phong trào: Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, An toàn giao thông, phòng chống ma túy, không sử dụng pháo nổ... nhà trường đã tổ chức cho học sinh học tập, ký cam kết thực hiện tốt.

- Tổ chức các hoạt động giáo dục theo chủ điểm, giáo dục truyền thống, giáo dục ngoài giờ lên lớp như Kỷ niệm 20/11; Kỷ niệm 22/12; Tuyên truyền ATGT; Ngày pháp luật....; xây dựng nếp sống văn hóa, củng cố kỷ cương, nền nếp, thực hiện giáo dục kỷ luật tích cực hiệu quả.

- Tổ chức khám sức khỏe cho học sinh của nhà trường; phối hợp với Công an xã tuyên truyền thực hiện ATGT trên địa bàn; tổ chức "hội thi báo cháy 114" và phối hợp với đội PCCC Công an tỉnh tập huấn kỹ năng PCCC trong trường học cho CBGVNV và HS.

- Tổ chức cho học sinh thi cấp trường các hoạt động văn nghệ, các hoạt động giáo dục thể chất tăng cường tính giao lưu, học hỏi nhằm thúc đẩy học sinh hứng thú học tập, rèn luyện kỹ năng sống, bổ sung hiểu biết về các giá trị văn hóa truyền thống và tinh hoa văn hóa nhân loại như: Tổ chức Trung thu nhớ Bác, Xuân yêu thương, giao lưu CLB Tiếng Anh cấp trường với chủ đề "English for fun", diễn đàn trẻ em, Ngày hội văn hóa đọc.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh gắn với việc nội dung bài học (môn Toán, KHTN), giáo dục đạo đức học sinh và định hướng nghề nghiệp; gắn với thực tế của địa phương như tìm hiểu và chăm sóc các công trình di tích lịch sử, bia tưởng niệm Liệt sĩ.

- Nhà trường phối hợp với cha mẹ học sinh tổ chức các hoạt động trải nghiệm cho học sinh gắn với nội dung bài học, giáo dục di sản, giáo dục đạo đức học sinh qua hình thức tham quan trải nghiệm thực tế tại Bạch đằng giang (Quảng Yên), bảo tàng lịch sử quân sự Việt Nam đạt kết quả tốt.

- Tiếp tục xây dựng và sử dụng có hiệu quả tủ sách lớp học, tổ chức giới thiệu sách trong các buổi sinh hoạt cuối tuần, các hoạt động ngoại khóa của các lớp; Thực hiện phong trào "đọc và theo báo Đội"; tổ chức trang trí lớp học sạch-đẹp.

- Nhà trường đã chỉ đạo Liên đội tổ chức các hoạt động ngoại giờ lên lớp hình thành kỹ năng hoạt động theo nhóm và các kỹ năng mềm khác cho học sinh, tham gia các cuộc thi viết, vẽ do cấp trên phát động.

5. Chuyển đổi số trong giáo dục

Nhà trường đẩy mạnh ứng dụng CNTT, thực hiện hiệu quả hoạt động dạy học trực tuyến kết hợp trực tiếp. Các nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT được thực hiện đầy đủ, minh bạch trên cổng thông tin điện tử của trường. Công tác thu, chi tài chính đảm bảo công khai, minh bạch, áp dụng thanh toán không dùng tiền mặt theo đúng quy định.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT (b/c);
- CBGVNV nhà trường (t/h);
- Công khai trên cổng TTĐT nhà trường
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Kim Mai